

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD KHỐI 12
từ ngày 13/12– 18/12/ 2021
(Đối với học sinh không thể học tập trực tiếp)

I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Bài 5. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	<ol style="list-style-type: none">1. Bình đẳng giữa các dân tộc<ol style="list-style-type: none">a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc?b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc.c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc.d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc (HS tự nghiên cứu).2. Bình đẳng giữa các tôn giáo<ol style="list-style-type: none">a. Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo.b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. (HS tự nghiên cứu).
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>Học sinh nghiên cứu SGK GDCD 12, bài “Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo” từ trang 45 đến trang 51 (nếu có sách giáo khoa), học sinh không có sách giáo khoa có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm.</p> <p>HS trả lời các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Em hiểu thế nào là công dân bình đẳng giữa các dân tộc?2. Cho biết quyền bình đẳng giữa các dân tộc về lĩnh vực: chính trị; kinh tế; văn hóa- giáo dục được biểu hiện như thế nào?3. Nêu ý nghĩa của bình đẳng giữa các dân tộc?4. Em hiểu thế nào là bình đẳng giữa các tôn giáo?5. Nội dung Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được thể hiện như thế nào?6. Nêu ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học- Hoàn thành bài tập củng cố.- Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

1. Bình đẳng giữa các dân tộc

a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc?

- Dân tộc trong bài này được hiểu là một bộ phận dân cư của một quốc gia. Ví dụ: Dân tộc Kinh; dân tộc Tày....

- *Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da... đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.*

b. Nội dung bình đẳng giữa các dân tộc

* *Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về chính trị:*

- Quyền tham gia quản lí Nhà nước, xã hội:

+ Tham gia bộ máy Nhà nước....

+ Tham gia góp ý các vấn đề chung để xây dựng đất nước.

- Có 2 hình thức thực hiện: dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

* *Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về kinh tế:*

- Thể hiện ở chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Nhà nước không có sự phân biệt giữa các dân tộc thiểu số hay đa số. Mà luôn quan tâm đầu tư kinh tế để rút ngắn khoảng cách, tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số phát triển.

* *Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về văn hoá, giáo dục:*

- Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết riêng của mình. Những phong tục tập quán và truyền thống văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy.

- Các dân tộc ở Việt Nam được bình đẳng trong việc hưởng thụ một nền giáo dục của Nước nhà. Công dân thuộc các dân tộc khác nhau đều được nhà nước tạo điều kiện để học tập

c. Ý nghĩa bình đẳng giữa các dân tộc

- Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết toàn dân tộc

- Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ là sức mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Bình đẳng giữa các tôn giáo:

a. Thế nào là bình đẳng giữa các tôn giáo:

- Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, đều bình đẳng trước pháp luật, những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

* Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo qui định của pháp luật.

- Công dân thuộc các tôn giáo khác nhau đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân. Công dân có tôn giáo hoặc không có tôn giáo, công dân có tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

- Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có trách nhiệm sống tốt đời đẹp đạo...

* Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo qui định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm; các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

- Các tôn giáo được tự do hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật, trên tinh thần tôn trọng pháp luật

- Các cơ sở tôn giáo, cơ sở đào tạo của tổ chức tôn giáo được pháp luật bảo hộ

c. Ý nghĩa bình đẳng giữa các tôn giáo

- Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước.

III. BÀI TẬP Củng Cố

BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

Câu 1: quyền bình đẳng giữa các dân tộc có nghĩa là

A. tất cả các dân tộc đều được Nhà nước và pháp luật đảm bảo sự an toàn.

B. tất cả các dân tộc đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng như nhau.

C. tất cả các dân tộc đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

D. tất cả các dân tộc đều được Nhà nước và pháp luật đối xử bình đẳng như nhau.

Câu 2: Một trong các hoạt động bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc có nghĩa là

A. mọi người đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bầu cử và ứng cử.

B. tất cả các dân tộc đều phải được tham gia vào cơ quan quốc hội.

C. các tỉnh thành có dân tộc ít người sinh sống thì họ phải được làm việc ở ủy ban nhân dân.

D. tất cả các dân tộc đều được tạo điều kiện học tập.

Câu 3: Một trong những nội dung bình đẳng về văn hóa là

A. các dân tộc được tham gia vào các lễ hội văn hóa.

B. các dân tộc được quyền mặc trang phục của họ.

C. các dân tộc được giữ tiếng nói và chữ viết riêng của mình.

D. các dân tộc được giữ lại tất cả các phong tục dù còn phù hợp hay không.

Câu 4: Trong lĩnh vực chính trị, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện ở:

A. quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

B. quy ước, hương ước của thôn, bản.

C. phong tục, tập quán của địa phương.

D. truyền thống của dân tộc.

Câu 5. Thế nào là quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

A. Là các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

B. Là các dân tộc được nhà nước và pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

C. Là các dân tộc được nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng.

D. Là các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện phát triển.

Câu 6: Bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là:

A . công dân có quyền hoạt động tín ngưỡng,tôn giáo theo quy định của pháp luật.

B . không ai có quyền bắt công dân phải theo tôn giáo nếu họ không muốn.

C . công dân nếu theo tín ngưỡng tôn giáo không có quyền từ bỏ tín ngưỡng tôn giáo của mình.

D . bất kì ai cũng có quyền theo tôn giáo mình thích.

Câu 7. Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc là gì?

A. Bình Đẳng.

B. Đoàn kết giữa các dân tộc.

C. Các bên cùng có lợi.

D. Tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số.

Câu 8: Công dân Việt Nam thuộc bất kỳ dân tộc nào đang sinh sống trên đất nước Việt Nam đều được hưởng ngang nhau.

A. quyền và nghĩa vụ

B. lợi ích

C. quyền

D. nghĩa vụ

Câu 9: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc thể hiện trong những lĩnh vực nào?

A. Chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục

B. Chính trị, quốc phòng, văn hóa, giáo dục

C. Kinh tế, quốc phòng, văn hóa, giáo dục

D. Kinh tế, văn hóa, khoa học, an ninh.

Câu 10: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi..... Mọi hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc đều bị xử lí nghiêm minh.

A. kì thị và chia rẽ

B. kích động và lôi kéo

C. bạo động và li khai

D. thù hằn và kì thị.

Câu 11: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ củavà bình đẳng trước pháp luật

A. Pháp luật

B. giáo hội

C. đạo pháp

D. hội thánh

Câu 12: Pháp luật nước ta yêu cầu công dân có tôn giáo và không có tôn giáo cũng như giữa các công dân có tôn giáo khác nhau phải lẫn nhau.

A. tôn trọng

B. nhường nhịn

C. độc lập

D. bình đẳng

Câu 13: Pháp luật nước ta nghiêm cấm các hành vi lợi dụng các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, gây chia rẽ khối..... toàn dân tộc, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

A. đại đoàn kết

B. cộng đồng dân cư

C. đồng bào lương giáo

D. liên kết tôn giáo

Câu 14: Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về chính trị, thể hiện ở hai hình thức nào sau đây:

A. dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp

C. dân chủ tập trung và bình đẳng

B. dân chủ đại diện và bỏ phiếu kín

D. bình đẳng trực tiếp và bỏ phiếu kín

Câu 15: Việt Nam là một quốc gia ...

A. đa tôn giáo

B. một tôn giáo

C. ít tôn giáo

D. không tôn giáo

Câu 16. Nội dung nào dưới đây nói về quyền bình đẳng giữa các dân tộc về văn hóa ?

A. Các dân tộc có nghĩa vụ phải sử dụng tiếng nói, chữ viết của mình.

B. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình.

C. Các dân tộc có duy trì mọi phong tục, tập quán của dân tộc mình.

D. Các dân tộc không được duy trì những lệ họ riêng của dân tộc mình.

Câu 17. Các dân tộc có quyền khôi phục, phát huy những phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp. Điều này thể hiện các dân tộc đều bình đẳng về lĩnh vực nào dưới đây ?

- A. Kinh tế. B. Văn hóa, giáo dục.
C. Chính trị. D. Xã hội.

Câu 18. Chị N và anh M thừa chuyện với hai gia đình để được kết hôn với nhau, nhưng bố chị N là ông K không đồng ý và đã cản trở hai người vì chị N theo đạo Thiên Chúa, còn anh M lại theo đạo Phật. Hành vi của ông K là biểu hiện

- A. lạm dụng quyền hạn.
B. không thiện chí với các tôn giáo khác.
C. phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo.
D. không đoàn kết giữa các tôn giáo.

Câu 19. Trong bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp năm 2016, những người đủ 18 tuổi trở lên không phân biệt dân tộc, tôn giáo đều tham gia bầu cử. Điều này thể hiện bình đẳng

- A. về bầu cử, ứng cử.
B. về tham gia quản lý nhà nước.
C. giữa các dân tộc, tôn giáo.
D. giữa người theo đạo và người không theo đạo.

Câu 20. Ở nước ta bao giờ cũng có người dân tộc thiểu số đại diện cho quyền lợi của các dân tộc ít người tham gia làm đại biểu Quốc hội. Điều này thể hiện

- A. Bình đẳng giữa các vùng miền.
B. Bình đẳng giữa nhân dân miền núi và miền xuôi.
C. Bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị.
D. Bình đẳng giữa các thành phần dân cư.

IV. PHẢN HỒI THÔNG TIN

(Những thắc mắc của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.)

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

BÀI HỌC	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Bài 5. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc,	1. Bình đẳng giữa các dân tộc a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân	1. 2.

<p>tôn giáo</p>	<p>tộc? b. nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc. c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc. d. Chính sách của đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc (HS tự nghiên cứu). 2. Bình đẳng giữa các tôn giáo a. Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo. b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. (HS tự nghiên cứu).</p>	<p>3.</p>
------------------------	--	-----------

Hết